



ISSN 3093 - 3390

TẠP CHÍ

Kinh tế - Tài chính

CƠ QUAN CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Kỳ 2 tháng 03/2026 (Số 17)



CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN TẠO ĐỘNG LỰC MỚI CHO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ



<https://tapchikinhjetaichinh.vn>

THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ NGHIỆP VỤ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

GIỚI THIỆU, CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

BAN BIÊN TẬP

Tổng Biên tập:

TS. PHẠM THU PHONG

Phó Tổng Biên tập:

TS. ĐỖ VĂN HẢI

TS. VŨ THỊ ÁNH HỒNG

ThS. NGUYỄN HẢI HỒNG

BÙI ĐỨC HẢI

ThS. BÙI THỊ THU HƯƠNG

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

GS. TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG

GS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

GS. TS. TRẦN THỌ ĐẠT

GS. TS. NGÔ THẮNG LỢI

GS. TS. NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

GS. TS. SỬ ĐÌNH THÀNH

PGS. TS. BÙI HUY NHƯỠNG

PGS. TS. TRẦN TRỌNG NGUYỄN

PGS. TS. NGUYỄN HỒNG SƠN

PGS.TS. NGUYỄN ĐÀO TÙNG

CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN TẠO ĐỘNG LỰC MỚI CHO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

- 7 Vai trò của chuyển đổi số, kinh tế xanh đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam và hàm ý chính sách **Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Chiêu Thụy, Nguyễn Hữu Thanh Tùng**
- 12 Chuyển đổi số và hiệu quả sử dụng vốn FDI tại Việt Nam: Tiếp cận từ khung phân tích tích hợp OLI - Năng lực hấp thụ - Chi phí giao dịch **Trần Thị Thanh Huyền**
- 17 Chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam hiện nay **Nguyễn Thành Trung**
- 22 Giải pháp phát triển các trung tâm kinh tế ven biển theo hướng bền vững **Trần Anh Tuấn**
- 25 Quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số **Chu Thị Hà**
- 28 Mô hình nghiên cứu về ý định khởi nghiệp số trong bối cảnh chuyển đổi số **Nguyễn Viêt Xuân Sang, Ngô Văn Thọ, Nguyễn Văn Chiến**
- 33 Chuyển đổi số trong quản lý thị trường vàng tại Việt Nam **Nguyễn Thị Thùy Hương**
- 36 Chuyển đổi số, giảm chi phí logistics tại Việt Nam: Thực trạng và hàm ý chính sách **Nguyễn Phương Dung**
- 40 Phát triển nền kinh tế trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam: Thực trạng và hàm ý chính sách **Đặng Quý Dương**
- 43 Tác động của trí tuệ nhân tạo đến sự thay đổi kỹ năng lao động tại Việt Nam **Hoàng Triều Hoa**
- 47 Trí tuệ nhân tạo trong dịch vụ chăm sóc khách hàng tại ngân hàng Việt Nam: Thực trạng và giải pháp **Hoàng Thị Loan**

TÀI CHÍNH - KINH DOANH

- 50 Phát triển bền vững thị trường Trái phiếu doanh nghiệp: Thực trạng và giải pháp **Đặng Thị Ngọc Lan**
- 53 Bảo vệ quyền nhà đầu tư nhỏ lẻ trên thị trường chứng khoán theo quy định pháp luật Việt Nam **Nguyễn Thị An**
- 57 Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam: Thực trạng, tiêu chí và khuyến nghị chính sách **Bùi Xuân Chính**
- 60 Tài chính bền vững và ESG trong phát triển bền vững thị trường chứng khoán Việt Nam **Nguyễn Thế Anh, Chu Tuấn Anh, Nguyễn Việt Anh**
- 64 Tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô lên chỉ số giá chứng khoán tại Việt Nam **Phạm Thị Ngọc Dung, Đào Lê Phương Thảo, Nguyễn Trần Thảo Vân**
- 69 Tác động rủi ro địa chính trị đến hiệu quả hoạt động của các quỹ ETF tại Việt Nam **Thái Duy Tùng, Huỳnh Hữu Phát, Lê Đức Trí, Đỗ Nguyễn Hồng Nhung, Nguyễn Ngọc Bảo Ngân, Lê Đức Thành**
- 75 Tác động của chỉ số chứng khoán, xu hướng tìm kiếm qua mạng Internet tới cầu du lịch nội địa Việt Nam **Phạm Trương Hoàng, Vũ Thị Tuyết Nhung, Nguyễn Mạnh Tuấn, Phạm Văn Phê**
- 80 Rủi ro chính sách và thanh khoản: Bằng chứng từ các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam **Dương Thị Thùy An**
- 83 Hạn chế tranh chấp về hiệu lực nghị quyết đại hội đồng cổ đông trực tuyến của công ty đại chúng và những khuyến nghị **Lê Thị Thanh Bình**
- 87 Vai trò của niềm tin trong tiếp cận tín dụng ngân hàng **Lý Hoàng Vũ**
- 92 Hoàn thiện cơ chế xử lý cổ phần chưa thanh toán và vốn điều lệ "ảo" trong công ty cổ phần để bảo vệ chủ nợ **Phạm Thị Thúy Kiều, Nguyễn Thị An**
- 97 Cơ chế thúc đẩy tín dụng xanh tại một số nước châu Á và hàm ý cho Việt Nam **Đào Thanh Bình, Vũ Thị Thu Hằng**



TÒA SOẠN:

162 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933.0036

ĐẠI DIỆN PHÍA NAM:

138 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3930.0434

QUẢNG CÁO & PHÁT HÀNH:

Điện thoại: (024) 3933.0034

Email: truyenthong.kttc@gmail.com

TÀI KHOẢN: Tạp chí Kinh tế - Tài chính

1077036868 Ngân hàng TMCP

Ngoại thương Việt Nam CN Hoàn Kiếm

MÃ SỐ THUẾ: 0111000686

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN:

Số 107/GP-BVHTTDL ngày 26/8/2025

của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

NƠI IN: Công ty TNHH MTV in Tạp chí Cộng sản

GIÁ BÁN: 100.000 đồng

LIÊN HỆ GỬI BÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC:

Phòng Thư ký - Biên tập

Email: nckh.kttc@gmail.com

Hotline:

(024) 3933.0036 / 0779.338.678

- 103 Tỷ trọng vốn hóa ngành bất động sản trên thị trường chứng khoán và rủi ro vĩ mô tại Việt Nam **Nguyễn Mạnh Hà**
- 107 Tác động từ công bố thông tin trí tuệ nhân tạo đến hiệu quả hoạt động của các công ty chứng khoán Việt Nam **Nguyễn Thị Ngọc Loan**
- 112 Đặc điểm doanh nghiệp và quyết định phát hành trái phiếu xanh: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam **Tô Minh Hương**
- 116 Giải pháp phát triển hệ sinh thái Fintech tại Việt Nam: Góc nhìn từ khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa **Nguyễn Bá Diệp**

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 124 Phát triển kinh tế xanh của Việt Nam: Thách thức và giải pháp khắc phục **Phạm Quốc Quân, Lê Duy Dũng, Hoàng Văn Thu**
- 127 Hoàn thiện công tác hỗ trợ pháp lý trong lĩnh vực tài chính cho doanh nghiệp **Nguyễn Thị Quỳnh Chi**
- 130 Giải pháp thúc đẩy phát triển thanh toán điện tử tại Việt Nam **Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Thân Thị Vi Linh**
- 134 Thương mại điện tử xuyên biên giới tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số **Dương Thu Thảo, Nguyễn Anh Tuấn**
- 138 Giáo dục tài chính trong triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia tại Việt Nam **Ngô Thuỳ Dung, Ngô Thị Ngọc**
- 141 Thực trạng thị trường bảo hiểm nông nghiệp Việt Nam và đề xuất một số giải pháp **Hoàng Văn Hùng**
- 144 Kinh nghiệm giải ngân vốn đầu tư công tại các địa phương và một số khuyến nghị **Đặng Thu Trang**
- 147 Lợi thế cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp: Đánh giá theo thư mục học **Phạm Việt Hùng, Nguyễn Ngọc Long**
- 152 Thực trạng và giải pháp phát triển chuỗi cung ứng tuần hoàn trong lĩnh vực chế biến, chế tạo ở Việt Nam **Phạm Thị Xuân Thoa, Nguyễn Ngọc Anh, Trần Phương Anh, Phạm Hương Giang, Nguyễn Thị Hồng Bích, Đinh Thị Thanh Hằng**
- 156 Nghiên cứu ảnh hưởng hình ảnh điểm đến và tài sản thương hiệu tới ý định quay trở lại điểm đến của du khách bằng phương pháp phân tích trắc lượng thư mục **Nguyễn Kiều Oanh, Lê Thị Phương Anh, Nguyễn Thị Lệ Hương**
- 161 Hạ tầng kỹ thuật số tác động đến khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính số của hộ gia đình nông thôn **Nguyễn Thị Thanh Huyền, Vũ Thị Linh, Trương Tuấn Linh**
- 167 Tác động từ chất lượng dịch vụ giao hàng chặng cuối đến sự hài lòng của khách hàng thế hệ Z mua sắm trên nền tảng thương mại điện tử Shopee **Lê Thùy Dương, Cấn Đình Tùng, Vũ Trường Huy, Nguyễn Đức Phúc, Nguyễn Trung Kiên, Bùi Ngọc Khánh Linh**
- 172 Từ người có ảnh hưởng đến ý định mua: Cơ chế chuyển giao niềm tin trong thương mại xã hội **Nguyễn Thị Yến**
- 177 Giảm thiểu mất việc khi thay đổi cơ cấu, công nghệ: Nghĩa vụ của người sử dụng lao động **Bùi Thị Thúy Hằng, Phạm Thị Thúy Kiều**
- 180 Phân tích các nhân tố tác động đến mức sẵn lòng chi trả sản phẩm xanh của người tiêu dùng **Bùi Duy Linh, Hà Thúy Nga, Nguyễn Thị Hoàng Minh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Thị Thảo Vân, Phạm Thị Thu Huyền**
- 184 Tác động của chuyển đổi số và cá nhân hóa quy trình đến trải nghiệm người học tại các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập **Trần Thúy Trâm Quyên, Trương Phi Cường, Hà Yến Sang, Nguyễn Lê Hoài Vy, Nguyễn Ngọc Tiến**
- 188 Đẩy mạnh phát triển công nghiệp biển ở Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa **Nguyễn Thị Thanh**
- 191 Thực tiễn quản trị và sự gắn kết tổ chức của nhân viên ngành Logistics: Vai trò trung gian của sự hài lòng công việc **Nguyễn Thị Thanh Thúy**

KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

- 196 Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán chi phí môi trường trong các doanh nghiệp tại Việt Nam **Nguyễn Thị Thanh Hải, Nguyễn Hồng Ngọc**
- 200 Thực trạng chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang **Lê Ngọc Đoàn Trang, Nguyễn Thị Kim Ngân**

CÁC SẢN PHẨM CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH



p-ISSN 3093-3390

Xuất bản 3 kỳ/tháng, điểm khoa học 0,75



p-ISSN 3093-3722

Xuất bản 2 tháng/kỳ, điểm khoa học 0,75.



e-ISSN 3093-3498

<https://tapchikinhtetaichinh.vn>



e-ISSN 3093-334X

<https://nghiencuu.tapchikinhtetaichinh.vn>

Điểm khoa học 0,75.



CHUYÊN TRANG CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-3501

<https://thuehaiquan.tapchikinhtetaichinh.vn>



CHUYÊN TRANG CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-3552

<https://ansinh.tapchikinhtetaichinh.vn>

- 204 Nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số trong kế toán tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa **Trần Thị Lan Hương**

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

- 208 Mô hình tài chính xanh: Kinh nghiệm của Trung Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam
Lê Ngọc Lâm, Nguyễn Thị Thu Hà, Phạm Thị Hạnh, Lưu Minh Trí, Hoàng Tuấn Vũ
- 213 Kinh nghiệm quốc tế phát triển trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán và hàm ý chính sách đối với Việt Nam **Trương Vũ Tuấn Tú, Lê Trúc Thuận, Đặng Thị Thuỳ Linh**
- 216 Các yếu tố ưu tiên trong phát triển Chatbot AI cho du lịch cộng đồng tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam **Nguyễn Thị Quỳnh Hương**
- 219 Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua hệ thống qPCR tự động: Bằng chứng thực nghiệm tại miền Bắc Việt Nam **Hồ Thị Thìn**
- 223 Tiêu chuẩn hóa ai trong sản xuất thông minh tại trung quốc và bài học cho Việt Nam
Trần Hoàng Hà, Trần Mai Trang, Nguyễn Huyền Anh, Dương Thùy Linh, Trần Như Ngọc, Đinh Văn Phúc
- 227 Tích hợp điểm chạm số và vật lý trong mô hình trải nghiệm khách hàng viễn thông: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam **Nguyễn Quang Hưng, Nguyễn Cảnh Châu**
- 231 Các nhân tố digital marketing ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh trực tuyến của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại TP. Hồ Chí Minh **Nguyễn Văn Nhung**
- 235 Phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững tại xã Thượng Lâm, tỉnh Tuyên Quang **Hoàng Anh Đào**
- 239 Tác động từ tiếp thị Meme Marketing đến ý định mua hàng của thế hệ Z tại TP. Hồ Chí Minh **Hà Bích Ngọc, Nguyễn Cao Huy Chương, Đinh Phạm Ngọc Hà, Ngô Thanh Diệu, Lê Đình Nghi**
- 243 Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tại khu công nghiệp Hà Nội trong bối cảnh hậu COVID-19 **Trần Thị Phương Diệu**
- 247 Phát triển sản phẩm OCOP tại tỉnh Bắc Giang trong bối cảnh chuyển đổi số
Đỗ Thị Thu Hằng, Trần Tuấn Anh
- 251 Giải pháp tài chính phát triển khu công nghiệp: Kinh nghiệm trong nước, quốc tế và hàm ý cho Đồng Nai **Nguyễn Thị Việt Nga, Nguyễn Hồ Xuân Hương**
- 255 Thuế thu nhập cá nhân tại TP. Huế: Tình hình quyết toán và rủi ro tuân thủ
Nguyễn Đình Chiến, Phạm Thị Hồng Quyên
- 259 Khai thác lợi thế so sánh trong phát triển doanh nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Đắk Lắk **Nguyễn Thế Công, Nguyễn Đức Long**
- 262 Năng lực ứng dụng thương mại điện tử ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nghiên cứu tại khu vực TP. Hồ Chí Minh
Lê Minh Cừ
- 266 Xu hướng tìm kiếm sự cân bằng cảm xúc qua tiêu dùng - Trường hợp người trẻ tại TP. Hồ Chí Minh **Lê Cẩm Tú**
- 270 Ảnh hưởng từ trải nghiệm mua sắm trực tuyến đến ý định mua hàng của giới trẻ trên các nền tảng thương mại điện tử tại TP. Hồ Chí Minh
Đoàn Gia Ân Du, Hoàng Vũ Đăng Hà
- 274 Ảnh hưởng từ bất ổn định chính sách kinh tế thế giới và chỉ số quản trị toàn cầu đến sự ổn định của hệ thống ngân hàng Việt Nam
Phạm Tiến Mạnh, Lê Thị Bích Ngân, Ngô Thị Hằng, Nguyễn Hà Vy
- 278 Một số đề xuất nhằm phát triển nông nghiệp công nghệ cao tỉnh Tuyên Quang
Nguyễn Thu Hương
- 282 Phát triển hợp tác xã nông nghiệp bền vững vùng Nam Bộ: Thực trạng và giải pháp
Nguyễn Thị Kim Liên
- 286 Ảnh hưởng từ giá trị tiêu dùng xanh đến ý định mua các sản phẩm xanh của người tiêu dùng Gen Z tại TP. Hồ Chí Minh **Nguyễn Đức Hải**
- 289 Các yếu tố tác động đến lòng trung thành thương hiệu thực phẩm chế biến sẵn tại TP. Hồ Chí Minh: Vai trò trung gian của sự hài lòng
Đoàn Văn Trai, Nguyễn Duy Tâm, Lê Thị Kim Chi
- 294 Chất lượng nội dung và chất lượng chức năng tác động đến ý định tiếp tục sử dụng nền tảng thương mại điện tử của người tiêu dùng **Nguyễn Phương Duy**
- 297 Ảnh hưởng từ áp lực học tập đến hành vi sử dụng AI và nguy cơ lệ thuộc công nghệ của sinh viên đại học: Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học HUTECH
Hồ Dương Hồng Nhung

VIETNAM ECONOMIC & FINANCIAL REVIEW

CONTENTS

Issue 2, March, 2026 (17)

EDITOR IN CHIEF:

PHAM THU PHONG, Ph.D.

VICE EDITOR IN CHIEF:

DO VAN HAI, Ph.D.

VU THI ANH HONG, Ph.D.

NGUYEN HAI HONG, M.A.

BUI DUC HAI

BUI THI THU HUONG, M.A.

EDITORIAL BOARD:

PROF. HOANG VAN CUONG, Ph.D.

PROF. PHAM HONG CHUONG, Ph.D.

PROF. TRAN THO DAT, Ph.D.

PROF. NGO THANG LOI, Ph.D.

PROF. SU DINH THANH, Ph.D.

PROF. NGUYEN CONG NGHIEP, Ph.D.

ASSOC. PROF. BUI HUY NHUONG, Ph.D.

ASSOC. PROF. NGUYEN HONG SON, Ph.D.

ASSOC. PROF. TRAN TRONG NGUYEN, Ph.D.

ASSOC. PROF. NGUYEN DAO TUNG, Ph.D.

COMPREHENSIVE DIGITAL TRANSFORMATION CREATING NEW MOMENTUM FOR ECONOMIC GROWTH

- 7 The role of digital transformation and the green economy in Viet Nam's economic growth and policy implications
Nguyen Dinh Hoa, Nguyen Chieu Thuy, Nguyen Huu Thanh Tung
- 12 Digital transformation and the efficiency of FDI utilization in Viet Nam: An integrated analytical framework of OLI - Absorptive capacity - Transaction costs
Tran Thi Thanh Huyen
- 17 Digital transformation in the banking sector in Viet Nam
Nguyen Thanh Trung
- 22 Solutions for developing coastal economic centers toward sustainability
Tran Anh Tuan
- 25 Corporate governance in the digital transformation context
Chu Thi Ha
- 28 Research model on digital entrepreneurial intention in the context of digital transformation
Nguyen Viet Xuan Sang, Ngo Van Thao, Nguyen Van Chien
- 33 Digital transformation in gold market management in Viet Nam
Nguyen Thi Thuy Huong
- 36 Digital transformation and logistics cost reduction in Viet Nam: Current situation and policy implications
Nguyen Phuong Dung
- 40 Development of the artificial intelligence economy in Viet Nam: Current situation and policy implications
Dang Quy Duong
- 43 The impact of artificial intelligence on changes in labor skills in Viet Nam
Hoang Trieu Hoa
- 47 Artificial intelligence in customer service in Vietnamese banks: Current situation and solutions
Hoang Thi Loan

FINANCE - BUSINESS

- 50 Sustainable development of the corporate bond market: Current situation and solutions
Dang Thi Ngoc Lan
- 53 Protecting retail investors' rights in the stock market under Vietnamese law
Nguyen Thi An
- 57 Upgrading Viet Nam's stock market: Current situation, criteria, and policy recommendations
Bui Xuan Chinh
- 60 Sustainable finance and ESG in the sustainable development of Viet Nam's stock market
Nguyen The Anh, Chu Tuan Anh, Nguyen Viet Anh
- 64 The impact of macroeconomic factors on VN-Index
Pham Thi Ngoc Dung, Dao Le Phuong Thao, Nguyen Tran Thao Van
- 69 The impact of geopolitical risk on the performance of ETFs in Viet Nam
Thai Duy Tung, Huynh Huu Phat, Le Duc Tri, Do Nguyen Hong Nhung, Nguyen Ngoc Bao Ngan, Le Duc Thanh
- 75 The effects of stock market indices and internet search trends on domestic tourism demand in Viet Nam
Pham Truong Hoang, Vu Thi Tuyet Nhung, Nguyen Manh Tuan, Pham Van Phe
- 80 Policy risk and liquidity: Empirical evidence from listed firms in Viet Nam
Duong Thi Thuy An
- 83 Limiting disputes over the validity of online General Meeting of Shareholders' resolutions of public companies and recommendations
Le Thi Thanh Binh
- 87 The role of trust in access to bank credit
Ly Hoang Vu
- 92 Improving the mechanism for handling unpaid shares and "fictitious" charter capital in joint-stock companies to protect creditors
Pham Thi Thuy Kieu, Nguyen Thi An

**FOR INQUIRIES AND SUBMISSION
OF SCIENTIFIC RESEARCH PAPERS,
PLEASE CONTACT:**

Email: nckh.kttc@gmail.com

Hotline: 077.933.8678



OFFICE:

162 Nguyen Van Cu, Bo De Ward, Hanoi City

Tel: (024) 3933.0036

HO CHI MINH OFFICE:

No. 138, Nguyen Thi Minh Khai Street,

Ho Chi Minh City

Tel: (028) 3930.0434

ADVERTISEMENT & PUBLICATION:

Tel: (024) 3933.0034

Email: truyenthong.ktcc@gmail.com

BANK ACCOUNT: Tap chi Kinh te Tai chinh

1077036868, Vietcombank, Hoan Kiem

TAX IDENTIFICATION NUMBER:

0111000686

LICENSE: No. 107/GP-BVHTTDL-dated

26/8/2025, issued by Ministry of Culture,

Sports and Tourism

PRINTED BY

The Communist Review Printing LLC

PRICE: VND 100,000

- 97 Mechanisms for promoting green credit in selected Asian countries and implications for Viet Nam **Dao Thanh Binh, Vu Thi Thu Hang**
- 103 Evaluating the influence of the real estate sector's market share in the stock market on macroeconomic risk in Viet Nam **Nguyen Manh Ha**
- 107 The impact of artificial intelligence disclosure on the performance of securities companies in Viet Nam **Nguyen Thi Ngoc Loan**
- 112 Firm characteristics and the decision to issue green bonds: Empirical evidence from Viet Nam **To Minh Huong**
- 116 Current situation and solutions for developing the Fintech ecosystem in Viet Nam: Small and medium-sized enterprise perspective **Nguyen Ba Diep**

RESEARCH - EXCHANGE

- 124 Green economic development in Viet Nam: Challenges and policy solutions **Pham Quoc Quan, Le Duy Dung, Hoang Van Thu**
- 127 Strengthening legal support for enterprises in the financial sector **Nguyen Thi Quynh Chi**
- 130 Solutions to promote the development of electronic payments in Viet Nam **Nguyen Thi Quynh Huong, Than Thi Vi Linh**
- 134 Cross-border e-commerce in Viet Nam in the context of digital transformation **Duong Thu Thao, Nguyen Anh Tuan**
- 138 Financial education in implementing the National Financial Inclusion Strategy in Viet Nam **Ngo Thuy Dung, Ngo Thi Ngoc**
- 141 The current status of the agricultural insurance market in Viet Nam and proposed solutions **Hoang Van Hung**
- 144 Experiences in public investment disbursement in localities and several recommendations **Dang Thu Trang**
- 147 Competitive advantage and firm performance: A bibliometric assessment **Pham Viet Hung, Nguyen Ngoc Long**
- 152 Current situation and solutions for developing circular supply chains in Viet Nam's processing and manufacturing industry **Pham Thi Xuan Thoa, Nguyen Ngoc Anh, Tran Phuong Anh, Pham Huong Giang, Nguyen Thi Hong Bich, Dinh Thi Thanh Hang**
- 156 Research on the impact of destination image and destination brand equity on tourists' revisit intention using bibliometric analysis **Nguyen Kieu Oanh, Le Thi Phuong Anh, Nguyen Thi Le Huong**
- 161 The impact of digital infrastructure on rural households' access to and use of digital financial services **Nguyen Thi Thanh Huyen, Vu Thi Linh, Truong Tuan Linh**
- 167 The impact of last-mile delivery service quality on Generation Z customer satisfaction when shopping on the Shopee e-commerce platform **Le Thuy Duong, Can Dinh Tung, Vu Truong Huy, Nguyen Duc Phuc, Nguyen Trung Kien, Bui Ngoc Khanh Linh**
- 172 From influencer to purchase intention: The mechanism of trust transfer in social commerce **Nguyen Thi Yen**
- 177 Mitigating job loss during structural and technological changes: Obligations of employers **Bui Thi Thuy Hang, Pham Thi Thuy Kieu**
- 180 Analysis of factors affecting consumers' willingness to pay for green products **Bui Duy Linh, Ha Thuy Nga, Nguyen Thi Hoang Minh, Nguyen Thu Hien, Nguyen Thi Thao Van, Pham Thi Thu Huyen**
- 184 The impact of digital transformation and process personalization on learner experience in private higher education institutions **Tran Thuy Tram Quyen, Truong Phi Cuong, Ha Yen Sang, Nguyen Le Hoai Vy, Nguyen Ngoc Tien**
- 188 Promoting the development of marine industries in Viet Nam in the context of industrialization and modernization **Nguyen Thi Thanh**
- 191 Management practices and organizational commitment among logistics employees: The mediating role of job satisfaction **Nguyen Thi Thanh Thuy**

ACCOUNTING - AUDIT

- 196 Factors influencing the adoption of environmental cost accounting in Vietnamese enterprises **Nguyen Thi Thanh Hai, Nguyen Hong Ngoc**
- 200 The current status of digital transformation in accounting practices among enterprises in Tuyen Quang province **Le Ngoc Doan Trang, Nguyen Thi Kim Ngan**
- 204 Factors influencing digital transformation in accounting among small and medium-sized enterprises in Thanh Hoa Province **Tran Thi Lan Huong**

PUBLICATIONS OF VIETNAM
ECONOMIC & FINANCIAL REVIEW



p-ISSN 3093-3390

Published three issues per month
scientific score: 0.75



p-ISSN 3093-3722

Published bi-monthly, scientific score: 0.75



e-ISSN 3093-3498

<https://tapchikinhtetaichinh.vn>



e-ISSN 3093-334X

<https://nghienccuu.tapchikinhtetaichinh.vn>

Scientific score: 0.75



CHUYÊN TRANG CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-3501

<https://thuehaiquan.tapchikinhtetaichinh.vn>



CHUYÊN TRANG CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-3552

<https://ansinh.tapchikinhtetaichinh.vn>

PRACTICES - EXPERIENCES

- 208 Green finance models: China's experience and recommendations for Viet Nam **Le Ngoc Lam, Nguyen Thi Thu Ha, Pham Thi Hanh, Luu Minh Tri, Hoang Tuan Vu**
- 213 International experiences in the development of artificial intelligence in stock investment and policy implications for Viet Nam
Truong Vu Tuan Tu, Le Truc Thuan, Dang Thi Thuy Linh
- 216 Priority factors in the development of AI-based chatbots for community-based tourism in the Northern mountainous provinces of Viet Nam
Nguyen Thi Quynh Huong
- 219 Factors influencing the purchase intention of automated qPCR systems: Empirical evidence from Northern Viet Nam
Ho Thi Thin
- 223 Standardizing AI in smart manufacturing in China: Lessons for Viet Nam
Tran Hoang Ha, Tran Mai Trang, Nguyen Huyen Anh, Duong Thuy Linh, Tran Nhu Ngoc, Dinh Van Phuc
- 227 Integrating digital and physical touchpoints in the telecommunications customer experience model: Empirical evidence from Viet Nam
Nguyen Quang Hung, Nguyen Canh Chau
- 231 Digital marketing factors affecting the online business performance of small and medium-sized enterprises in Ho Chi Minh City
Nguyen Van Nhung
- 235 Sustainable community-based tourism development in Thuong Lam commune, Tuyen Quang province
Hoang Anh Dao
- 239 The impact of meme marketing on Generation Z purchase intention in Ho Chi Minh City
Ha Bich Ngoc, Nguyen Cao Huy Chuong, Dinh Pham Ngoc Ha, Ngo Thanh Dieu, Le Dinh Nghi
- 243 Factors influencing employees' work motivation in industrial parks in Ha Noi in the post-COVID-19 context
Tran Thi Phuong Dieu
- 247 Development of OCOP products in Bac Giang province in the context of digital transformation
Do Thi Thu Hang, Tran Tuan Anh
- 251 Financial solutions for industrial park development: Domestic and international experiences and implications for Dong Nai
Nguyen Thi Viet Nga, Nguyen Ho Xuan Huong
- 255 Personal income tax in Hue City: Finalization trends and compliance risks
Nguyen Dinh Chien, Pham Thi Hong Quyen
- 259 Exploiting comparative advantages in the development of agricultural processing enterprises in Dak Lak province
Nguyen The Cong, Nguyen Duc Long
- 262 The impact of e-commerce capability on the performance of small and medium-sized enterprises: Evidence from Ho Chi Minh City
Le Minh Cuu
- 266 Trends in seeking emotional balance through consumption: The case of young people in Ho Chi Minh City
Le Cam Tu
- 270 The impact of online shopping experience on the purchase intention of young consumers on e-commerce platforms in Ho Chi Minh City
Doan Gia An Du, Hoang Vu Dang Ha
- 274 The impact of global economic policy uncertainty and the Worldwide Governance Indicators on the stability of Viet Nam's banking system
Pham Tien Manh, Le Thi Bich Ngan, Ngo Thi Hang, Nguyen Ha Vy
- 278 Several proposals for developing high-tech agriculture in Tuyen Quang province
Nguyen Thu Huong
- 282 Sustainable development of agricultural cooperatives in Southern Viet Nam: Current situation and solutions
Nguyen Thi Kim Lien
- 286 The impact of green consumption values on Gen Z consumers' intention to purchase green products in Ho Chi Minh City
Nguyen Duc Hai
- 289 Factors affecting brand loyalty for processed food products in Ho Chi Minh City: The mediating role of customer satisfaction
Doan Van Trai, Nguyen Duy Tam, Le Thi Kim Chi
- 294 The impact of content quality and functional quality on consumer satisfaction and continuance intention toward e-commerce platforms in Ho Chi Minh City
Nguyen Phuong Duy
- 297 The impact of academic pressure on AI usage behavior and the risk of technology dependence among university students: A case study at HUTECH University
Ho Duong Hong Nhung



THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI TP. HUẾ: TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VÀ RỦI RO TUÂN THỦ

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN¹, PHẠM THỊ HỒNG QUYÊN²

Tóm tắt

Nghiên cứu phân tích xu hướng thu thuế thu nhập cá nhân tại TP. Huế giai đoạn 2018-2024. Kết quả cho thấy, tổng thu tăng, cơ cấu nguồn thu dịch chuyển khi tỷ trọng tiền lương giảm tương đối, trong khi chuyển nhượng bất động sản và cho thuê - hộ kinh doanh tăng. Số hồ sơ và tỷ lệ tự quyết toán tăng mạnh; mức độ sai phạm theo quy mô giảm, nhưng các vi phạm dẫn đến truy thu, xử phạt có xu hướng tăng tương đối. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất tăng cường quản trị rủi ro theo nguồn thu và hồ sơ nhằm bảo đảm kê khai “đúng - đủ” và nâng cao khả năng ứng phó với các cú sốc như đại dịch COVID-19.

Từ khoá: Cơ cấu nguồn thu thuế, quyết toán thuế, sai phạm và xử phạt thuế, thuế thu nhập cá nhân, tuân thủ thuế

PERSONAL INCOME TAX IN HUE CITY: FINALIZATION TRENDS AND COMPLIANCE RISKS

Summary

This study analyzes trends in personal income tax revenue in Hue City from 2018 to 2024. The results show that total revenue has increased, while the revenue structure has shifted, with the relative share of wage income declining and income from real estate transfers and household business rental activities increasing. The number of tax finalization dossiers and the rate of self-finalization have risen significantly. Although the level of violations by scale has decreased, violations leading to tax arrears and penalties have shown a relative increase. Based on these findings, the study proposes strengthening risk management across revenue sources and tax dossiers to ensure accurate and sufficient tax declarations and enhance resilience to shocks such as the COVID-19 pandemic.

Keywords: Tax revenue structure, tax finalization, tax violations and penalties, personal income tax, tax compliance

Ngày nhận bài: 29/01/2026; Ngày hoàn thiện biên tập: 02/3/2026; Ngày duyệt đăng: 09/3/2026

GIỚI THIỆU

Trong cơ cấu tài khóa Việt Nam, thuế thu nhập cá nhân (TNCN) ngày càng trở thành nguồn thu quan trọng, hiện đứng thứ ba về quy mô sau thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp. Những năm gần đây, quy mô thu thuế TNCN liên tục tăng và chiếm khoảng 9% tổng thu ngân sách nhà nước, phản ánh vai trò ngày càng rõ của thuế trực thu trong hệ thống tài khóa.

Xu hướng này phù hợp với quan điểm quốc tế coi thuế TNCN là công cụ quan trọng để mở rộng cơ sở thu, tăng năng lực điều tiết và hỗ trợ mục tiêu công bằng phân phối. Tuy nhiên, khi phạm vi thu nhập chịu thuế ngày càng đa dạng (tiền lương, kinh doanh, đầu tư, chuyển nhượng bất động sản (BDS), cho thuê tài sản...), rủi ro không tuân thủ cũng gia tăng, đặc biệt với các khoản thu nhập khó kiểm soát qua cơ chế báo cáo bên thứ ba. Do đó, quản lý thuế hiện đại nhấn mạnh cách tiếp cận quản lý rủi ro trong toàn bộ vòng đời nghĩa vụ thuế.

TP. Huế là bối cảnh điển hình để quan sát các động thái này khi cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh

sang dịch vụ, du lịch và BDS. Giai đoạn 2018-2024 cũng gắn với các biến động lớn như COVID-19 và quá trình hiện đại hóa quản lý thuế. Trên cơ sở dữ liệu quản lý thuế giai đoạn này, nghiên cứu nhằm mô tả xu hướng và cơ cấu thu thuế TNCN, phân tích hành vi quyết toán, đồng thời nhận diện các rủi ro tuân thủ để rút ra hàm ý quản lý ở cấp địa phương.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng dữ liệu hành chính về thuế TNCN tại TP. Huế giai đoạn 2018-2024 do Cục Thuế TP. Huế (nay là Thuế TP. Huế) cung cấp bao gồm 3 nhóm thông tin chính: (i) Số liệu thu thuế TNCN theo từng nguồn thu nhập; (ii) Số liệu về hồ sơ quyết toán thuế TNCN; và (iii) Số liệu về tình hình vi phạm và xử lý vi phạm. Trên cơ sở đó, nghiên cứu xây dựng các chỉ tiêu mô tả như: quy mô và cơ cấu thu thuế TNCN theo nguồn, số lượng và tỷ lệ tự quyết toán so với ủy quyền, mức thuế TNCN bình quân trên một hồ sơ quyết toán, cũng như số lượt và tỷ lệ vi phạm trên tổng số hồ sơ. Do chuỗi số liệu chỉ gồm 7 năm và mức độ tổng hợp dữ liệu không

^{1, 2}, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế; Email: nguyenchien@hueuni.edu.vn ; pthquyen.hce@hueuni.edu.vn



cho phép xây dựng mô hình suy diễn tin cậy, bài viết lựa chọn phương pháp thống kê mô tả và phân tích xu thế làm công cụ chính.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phân tích tổng quan về tình hình quản lý thu thuế TNCN

Quy mô và cơ cấu thu thuế TNCN

Bảng 1 cho thấy, thu thuế TNCN tại Cục Thuế TP. Huế tăng mạnh trong giai đoạn 2018-2024, từ 215 lên 375 tỷ đồng (tăng 160 tỷ, tương ứng 74,4%). Điều đáng chú ý không chỉ nằm ở mức tăng, mà ở hình thái tăng trưởng: sau nhịp mở rộng năm 2019 (9,8%), chuỗi thu bị “đứt mạch” năm 2020 (-3,0%) dưới tác động của đại dịch COVID-19, rồi bật tăng rõ rệt trong năm 2021-2022 (tương ứng 18,8%; 19,5%). Bước sang năm 2023-2024, tốc độ tăng giảm xuống nhưng vẫn duy trì dương (6,5%; 8,4%), cho thấy nền thu đã rời khỏi pha phục hồi sau cú sốc để chuyển sang quỹ đạo tăng trưởng ổn định hơn. Từ góc độ quản lý, kết quả này vừa khẳng định độ bền tương đối của nguồn thu thuế TNCN, vừa gợi mở yêu cầu trọng tâm thay vì chỉ theo đuổi mục tiêu tăng thu, cần đầu tư vào giám sát biến động và quản trị rủi ro theo chu kỳ, đặc biệt là cơ chế cảnh báo sớm trước các cú sốc có thể tạo “điểm gãy” tương tự năm 2020 nhằm bảo toàn đà tăng trong các năm tiếp theo.

Về cơ cấu thu thuế TNCN theo nguồn tại Cục Thuế TP. Huế giai đoạn 2018-2024 tập trung vào một số nguồn chủ lực nhưng đang dịch chuyển theo hướng đa trụ cột hơn. Cụ thể, thu từ tiền lương - tiền công vẫn giữ vai trò nền tảng, song tỷ trọng giảm từ 69,8% (2018) xuống 60,0% (2024) cho thấy, mức độ phụ thuộc tương đối vào thu nhập từ lao động đang thu hẹp. Trong khi đó, chuyển nhượng BĐS vươn lên như nguồn thu lớn thứ hai và bộc lộ rõ tính nhạy chu kỳ: tỷ trọng tăng mạnh, đạt đỉnh khoảng 30% giai đoạn 2021-2022 rồi điều chỉnh còn 27,5% năm 2024. Điều này cho thấy, quy mô thu thuế TNCN ngày càng chịu ảnh hưởng đáng kể từ biến động thị trường giao dịch, qua đó đặt ra yêu cầu quản trị rủi ro nguồn thu và tăng cường kiểm soát tuân thủ theo nhóm người nộp thuế có phát sinh giao dịch chuyển nhượng. Một điểm đáng chú ý khác là nhóm cho thuê và hộ kinh doanh đảo chiều tăng trở lại, đặc biệt năm 2024 đạt 11,2%, cao hơn mức 8,4% năm 2018 và vượt xa giai đoạn 2021-2022 (khoảng 5,8%-5,9%). Nếu đây phản ánh sự mở rộng cơ sở thu hoặc cải thiện hiệu quả quản lý, trọng tâm tiếp theo cần hướng vào chuẩn hóa dữ liệu và công cụ sàng lọc rủi ro cho các nguồn thu phân tán, có mức độ bất cân xứng thông tin cao. Các khoản “khác” chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ, vì vậy, ít có ý nghĩa quyết định đối với động lực tổng thu.

Bảng 2 cho thấy, đà tăng thu thuế TNCN của TP. Huế giai đoạn 2018-2024 không lan tỏa đều giữa các nguồn, mà tập trung rõ rệt vào 2 động cơ. Cụ thể, tiền

BẢNG 1: QUY MÔ VÀ TĂNG TRƯỞNG THU THUẾ TNCN TẠI CỤC THUẾ TP. HUẾ GIAI ĐOẠN 2018-2024

Năm	Tổng thu thuế TNCN (tỷ đồng)	Tăng trưởng so với năm trước (%)
2018	215	-
2019	236	9,8
2020	229	-3,0
2021	272	18,8
2022	325	19,5
2023	346	6,5
2024	375	8,4
Mức tăng tuyệt đối (2024-2018) (tỷ đồng)	160	
Tăng trưởng giai đoạn 2018-2024 (%)		74,4

Nguồn: Cục Thuế TP. Huế, 2025

BẢNG 2: ĐÓNG GÓP CỦA TỪNG NGUỒN THU VÀO MỨC TĂNG THU THUẾ TNCN GIAI ĐOẠN 2018-2024

Nguồn thu	2018 (tỷ)	2024 (tỷ)	Mức tăng (tỷ)	Đóng góp vào tăng trưởng tổng thu thuế TNCN (%)
Tiền lương-tiền công	150	225	75	46,9
Chuyển nhượng BĐS	42	103	61	38,1
Cho thuê và hộ kinh doanh	18	42	24	15,0
Khác	5	5	0	0,0
Tổng cộng	215	375	160	100

Nguồn: Cục Thuế TP. Huế, 2025

lương - tiền công đóng góp 75 tỷ đồng (46,9%) và chuyển nhượng BĐS đóng góp 61 tỷ đồng (38,1%); riêng 2 khoản này đã giải thích 85% mức tăng tổng thu. Phần tăng còn lại chủ yếu đến từ cho thuê và hộ kinh doanh (24 tỷ đồng, tương ứng 15,0%), trong khi các nguồn khác hầu như không tạo tiềm năng mở rộng cơ sở thu. Điều đáng lưu ý là cấu trúc đóng góp này tạo nên một “tổ hợp” vừa ổn định, vừa nhạy chu kỳ: thu từ lương tiếp tục là nền tảng tăng trưởng theo giá trị tuyệt đối, còn thu từ BĐS tăng nhanh hơn kéo tổng thu ngày càng phụ thuộc vào nhịp giao dịch tài sản và biến động thị trường.

Từ góc độ quản trị, sự tập trung này vừa là lợi thế (có thể ưu tiên nguồn lực vào các mảng quyết định) vừa là ràng buộc (cơ sở thu hẹp khiến tổng thu dễ bị tổn thương trước cú sốc thị trường lao động hoặc chu kỳ BĐS). Vì vậy, chiến lược hợp lý là “2 mũi nhọn”: củng cố tính bền của nguồn thu từ lương thông qua quản lý khấu trừ và đối chiếu dữ liệu, đồng thời tăng cường quản trị rủi ro đối với thu từ chuyển nhượng BĐS bằng các công cụ giám sát theo nhóm rủi ro và kiểm soát giao dịch. Song song, việc nâng hiệu quả quản lý đối với nhóm cho thuê/hộ kinh doanh dù đóng góp hiện còn khiêm tốn có ý nghĩa như một hướng mở rộng và đa dạng hóa nền thu, giúp giảm mức độ phụ thuộc vào hai trụ cột trong trung hạn.

Tình hình quyết toán thuế TNCN

Dựa trên số liệu của Cục Thuế TP. Huế cho thấy, hoạt động quyết toán thuế TNCN tại địa phương mở rộng nhanh cả về quy mô lẫn cấu trúc thực hiện. Tổng số hồ sơ tăng từ 7.800 năm 2018 lên 11.000 năm 2024 (tăng 41,0%), với một nhịp giảm ngắn năm 2020 (-3,6%) rồi phục hồi rõ rệt; riêng năm 2024 tăng



BẢNG 3: BIẾN ĐỘNG CƠ CẤU HÌNH THỨC QUYẾT TOÁN TẠI CỤC THUẾ TP. HUẾ GIAI ĐOẠN 2018-2024

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2024	Mức thay đổi 2018-2024
Tổng hồ sơ quyết toán	7.800	11.000	+3.200 (+41,0%)
Tỷ lệ tự quyết toán (%)	41,0	60,9	+19,9 điểm %
Tỷ lệ ủy quyền quyết toán (%)	59,0	39,1	-19,9 điểm %
Thuế TNCN bình quân/hồ sơ (triệu đồng/hồ sơ)	27,6	34,1	+6,5 triệu (+24%)

Nguồn: Cục Thuế TP. Huế, 2025

BẢNG 4: TÌNH HÌNH VI PHẠM NGHĨA VỤ THUẾ TNCN TẠI CỤC THUẾ TP. HUẾ GIAI ĐOẠN 2018-2024

Năm	Hồ sơ quyết toán	Chậm quyết toán		Chậm nộp		Bị truy thu		Bị phạt		Tổng lượt vi phạm	
		Lượt	% hồ sơ	Lượt	% hồ sơ	Lượt	% hồ sơ	Lượt	% hồ sơ	Lượt	% hồ sơ
2018	7.800	590	7,6	220	2,8	135	1,7	85	1,1	1.030	13,2
2019	8.300	560	6,7	240	2,9	150	1,8	92	1,1	1.042	12,6
2020	8.000	710	8,9	280	3,5	165	2,1	110	1,4	1.265	15,8
2021	8.900	670	7,5	260	2,9	178	2,0	120	1,3	1.228	13,8
2022	9.500	540	5,7	230	2,4	162	1,7	105	1,1	1.037	10,9
2023	9.700	515	5,3	215	2,2	147	1,5	88	0,9	965	9,9
2024	11.000	435	4,0	189	1,7	125	1,1	80	0,7	829	7,5

Nguồn Cục thuế TP. Huế, 2025

BẢNG 5: CƯỜNG ĐỘ VI PHẠM TƯƠNG ĐỐI SO VỚI TĂNG TRƯỞNG HỒ SƠ QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

Năm	Tổng hồ sơ quyết toán	Tổng lượt sai phạm	Tăng hồ sơ so với năm trước (%)	Tăng lượt sai phạm so với năm trước (%)	Lượt sai phạm trên 1.000 hồ sơ
2018	7.800	1.030	-	-	132,1
2019	8.300	1.042	6,4	1,2	125,5
2020	8.000	1.265	-3,6	21,4	158,1
2021	8.900	1.228	11,3	-2,9	138,0
2022	9.500	1.037	6,7	-15,6	109,2
2023	9.700	965	2,1	-6,9	99,5
2024	11.000	829	13,4	-14,1	75,4

Nguồn: Cục Thuế TP. Huế, 2025

ạnh (13,4%), báo hiệu áp lực xử lý hồ sơ trong mùa quyết toán gia tăng đáng kể. Điểm then chốt nằm ở sự dịch chuyển hình thức: tự quyết toán tăng từ 3.200 lên 6.700 hồ sơ (tỷ trọng 41,0% lên 60,9%), trong khi ủy quyền giảm tương ứng (59,0% giảm xuống 39,1%). Năm 2024 làm xu hướng này nổi bật nhất: tổng hồ sơ tăng 1.300 nhưng tự quyết toán tăng 1.900 và ủy quyền giảm -600, cho thấy tăng trưởng khối lượng gần như được “dẫn dắt” hoàn toàn bởi nhóm cá nhân tự thực hiện nghĩa vụ.

Số liệu Bảng 3 củng cố nhận định trên, đồng thời cho thấy “cường độ” nghĩa vụ thuế bình quân theo hồ sơ tăng từ 27,6 lên 34,1 triệu đồng/hồ sơ (khoảng 24%), gợi ý quy mô nghĩa vụ gắn với mỗi hồ sơ có xu hướng lớn hơn; tuy nhiên, chỉ tiêu này cần được hiểu như một chỉ báo tổng hợp, chịu tác động đồng thời bởi biến động thu nhập, cơ cấu nguồn thu và thành phần người nộp thuế tham gia quyết toán.

Tình hình vi phạm nghĩa vụ thuế TNCN

Bảng 4 cho thấy, chất lượng tuân thủ trong quyết

toán thuế TNCN tại Cục Thuế TP. Huế giai đoạn 2018-2024 cải thiện theo xu hướng dài hạn, thể hiện ở việc khối lượng hồ sơ tăng nhưng sai phạm giảm. Cụ thể, tổng hồ sơ tăng 7.800 lên 11.000 (tăng 41,0%), trong khi tổng lượt sai phạm giảm 1.030 xuống 829 (-19,5%), kéo tỷ lệ hồ sơ có sai phạm giảm từ 13,2% xuống 7,5%. Năm 2020 là điểm lệch quan trọng khi sai phạm tăng vọt (15,8%) phù hợp với bối cảnh gián đoạn do COVID-19, nhưng sau đó xu hướng giảm được tái lập và đạt mức thấp nhất vào 2024. Điểm đáng chú ý nằm ở cấu trúc sai phạm. Cụ thể, nhóm vi phạm thủ tục, đặc biệt chậm quyết toán, vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhưng giảm rõ rệt cả về lượng và tỷ lệ; Ngược lại, các sai phạm đi tới truy thu/xử phạt giảm chậm hơn, khiến tỷ trọng tăng tương đối trong tổng sai phạm. Điều này gợi ý rằng “mặt bằng” tuân thủ về thời hạn/hình thức đã được cải thiện đáng kể, nhưng rủi ro còn lại ngày càng nghiêng về tính đúng-đủ của kê khai.

Phân tích sâu về tình hình quản lý thu thuế TNCN

Sau khi mô tả quy mô - cơ cấu thu, xu hướng quyết toán và các dạng sai phạm chủ yếu, các chỉ tiêu truyền thống mới chỉ phản ánh “mặt nổi” của tuân thủ. Vì vậy, nghiên cứu bổ sung một nhóm chỉ báo chuẩn hóa và chỉ báo “độ sâu xử lý” để nhận diện rõ hơn rủi ro trong bối cảnh số hồ sơ tăng nhanh và môi trường kinh tế - xã hội biến động.

Theo đó, về cường độ vi phạm tương đối so với tăng trưởng hồ sơ quyết toán thuế TNCN, Bảng 5 cho thấy, bức tranh tích cực khi chuẩn hóa theo quy mô: dù hồ sơ tăng từ 7.800 lên 11.000, cường độ sai phạm giảm từ 132,1 xuống 75,4 lượt/1.000 hồ sơ (giảm khoảng 42,9%). Tuy nhiên, năm 2020 nổi lên như một “phép thử” của hệ thống do đại dịch COVID-19, hồ sơ giảm nhưng sai phạm tăng, khiến cường độ vọt lên 158,1, cho thấy trong cú sốc ngoại sinh, rủi ro tuân thủ có thể gia tăng chủ yếu do suy giảm chất lượng kê khai và khả năng đáp ứng đúng hạn hơn là do khối lượng hồ sơ. Từ 2021-2024, xu hướng “hồ sơ tăng nhưng sai phạm giảm” được tái lập, hàm ý mức độ thích ứng của người nộp thuế và hiệu quả tương đối của hỗ trợ - tiếp nhận - kiểm soát hồ sơ đã được cải thiện.

Bảng 6 bổ sung lát cắt về “độ sâu xử lý” thông qua mật độ truy thu và xử phạt. Hai chỉ tiêu này duy trì ở mức thấp (truy thu 1,1%-2,1%; phạt 0,7%-1,4%) và tăng lên rõ nhất năm 2020, sau đó giảm dần và thấp nhất vào 2024. Xu hướng này củng cố luận điểm, cú sốc đại dịch COVID-19 không chỉ làm tăng lỗi thủ tục mà còn làm gia tăng khả năng sai lệch nghĩa vụ phải điều chỉnh; đồng thời, giai đoạn hậu COVID-19 cho thấy hoạt động hậu kiểm có xu hướng ổn định và tập trung hơn.

Tương quan đơn giản giữa cơ cấu tự quyết toán và cường độ vi phạm cho thấy, ở bình diện tổng hợp, tỷ trọng tự quyết toán tăng mạnh trong khi cường độ vi phạm giảm (tương quan âm), nhưng năm 2020 là ngoại lệ khi cả 2 cùng tăng. Điều này hàm ý sự gia tăng tự

**BẢNG 6: MẬT ĐỘ TRUY THU VÀ XỬ PHẠT TRÊN TỔNG SỐ HỒ SƠ QUYẾT TOÁN**

Năm	Số hồ sơ bị truy thu	Số hồ sơ bị phạt	Tỷ lệ bị truy thu trên tổng hồ sơ (%)	Tỷ lệ bị phạt trên tổng hồ sơ (%)
2018	135	85	1,7	1,1
2019	150	92	1,8	1,1
2020	165	110	2,1	1,4
2021	178	120	2,0	1,3
2022	162	105	1,7	1,1
2023	147	88	1,5	0,9
2024	125	80	1,1	0,7

Nguồn: Cục Thuế TP. Huế, 2025

BẢNG 7: CẤU TRÚC RỦI RO THEO TỪNG LOẠI VI PHẠM TRONG TỔNG LƯỢT SAI PHẠM

Năm	Chậm quyết toán	Chậm nộp	Truy thu	Bị phạt
	% tổng lượt sai phạm			
2018	57,3	21,4	13,1	8,3
2019	53,7	23,0	14,4	8,8
2020	56,1	22,1	13,0	8,7
2021	54,6	21,2	14,5	9,8
2022	52,1	22,2	15,6	10,1
2023	53,4	22,3	15,2	9,1
2024	52,5	22,8	15,1	9,7

Nguồn: Cục Thuế TP. Huế, 2025

quyết toán không tất yếu làm xấu đi tuân thủ; rủi ro có xu hướng bùng lên khi gặp điều kiện bất thường, vì vậy, cần tránh diễn giải theo hướng nhân quả đơn tuyến và thay vào đó tập trung vào thiết kế “điều kiện hỗ trợ” cho tự quyết toán trong các giai đoạn biến động.

Bảng 7 làm rõ sự dịch chuyển trọng tâm rủi ro: chậm quyết toán vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhưng giảm tương đối, trong khi tỷ trọng nhóm sai phạm “nội dung” (dẫn đến truy thu/xử phạt) tăng tương đối do giảm chậm hơn. Đặc biệt, COVID-19 bộc lộ rủi ro trước hết ở khía cạnh thủ tục, còn khi điều kiện bình thường hóa, rủi ro quay lại xu hướng dài hạn, từ “đúng hạn” sang “đúng - đủ”.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Kết luận

Dựa trên dữ liệu quản lý thuế giai đoạn 2018-2024 tại TP. Huế, nghiên cứu cho thấy một xu hướng phát triển tương đối nhất quán của thuế TNCN. Quy mô thu tăng từ 215 lên 375 tỷ đồng; năm 2020 tạo “điểm gãy” do tác động của COVID-19, sau đó nguồn thu phục hồi nhanh và bước vào giai đoạn tăng trưởng ổn định hơn.

Về cơ cấu, nguồn thu vẫn chủ yếu đến từ tiền lương - tiền công và chuyển nhượng BĐS. Tuy nhiên,

Tài liệu tham khảo:

- Cục Thuế TP. Huế (2018-2024). Báo cáo tổng kết thu ngân sách của Cục Thuế TP. Huế các năm từ 2018 đến 2024.
- Thủ tướng Chính phủ (2022). Quyết định số 508/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.
- Quốc hội (2007). Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

tỷ trọng từ tiền lương giảm tương đối, trong khi BĐS gia tăng và thể hiện tính nhạy cảm với chu kỳ thị trường; đồng thời, nhóm thu từ cho thuê tài sản và hộ kinh doanh tăng vai trò vào cuối kỳ, đặt ra yêu cầu quản lý chặt chẽ hơn đối với các nguồn thu phân tán.

Ở khâu thực hiện nghĩa vụ thuế, số hồ sơ quyết toán tăng nhanh và hình thức tự quyết toán ngày càng phổ biến (từ 41,0% lên 60,9%). Điều này đòi hỏi quản lý thuế phải tăng cường hỗ trợ trong mùa quyết toán, đồng thời kết hợp sàng lọc rủi ro hiệu quả.

Các chỉ báo chuẩn hóa cũng cho thấy cường độ sai phạm nhìn chung giảm, dù năm 2020 là ngoại lệ khi rủi ro tăng lên trong bối cảnh số hồ sơ giảm, phản ánh sự nhạy cảm của tuân thủ trước các cú sốc kinh tế. Bên cạnh đó, cấu trúc rủi ro đang chuyển dịch từ các lỗi thủ tục sang các sai lệch ảnh hưởng trực tiếp đến nghĩa vụ thuế, cho thấy trọng tâm quản lý cần chuyển từ yêu cầu “đúng hạn” sang bảo đảm kê khai “đúng - đủ”.

Hàm ý chính sách

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết gợi ý cần chuyển trọng tâm quản lý thuế từ theo dõi quy mô thu sang quản trị rủi ro tuân thủ.

Thứ nhất, khi nguồn thu từ chuyển nhượng BĐS gia tăng và mang tính chu kỳ, cần xem đây là khu vực rủi ro trọng điểm thông qua tăng cường đối chiếu dữ liệu giao dịch, chia sẻ thông tin liên ngành và thiết lập cơ chế cảnh báo theo biến động thị trường.

Thứ hai, tỷ lệ tự quyết toán tăng nhanh đòi hỏi quản lý thuế tăng cường hỗ trợ người nộp thuế, chuẩn hóa hướng dẫn theo từng tình huống, mở rộng hỗ trợ đa kênh và áp dụng kiểm tra logic đầu vào để giảm sai sót trước khi nộp hồ sơ.

Thứ ba, khi vi phạm thủ tục giảm nhưng rủi ro sai lệch về nghĩa vụ thuế gia tăng, trọng tâm quản lý cần chuyển từ “đúng hạn” sang “đúng - đủ”, thông qua sàng lọc rủi ro và hậu kiểm có trọng tâm đối với các hồ sơ phức tạp như đa nguồn thu, giao dịch tài sản, cho thuê hoặc hộ kinh doanh.

Thứ tư, kinh nghiệm từ năm 2020 cho thấy tuân thủ có thể suy giảm trước các cú sốc kinh tế; do đó cần xây dựng kịch bản vận hành linh hoạt như tăng cường truyền thông, nhắc hạn và hỗ trợ trực tuyến trong mùa quyết toán.

Thứ năm, cần thiết lập hệ thống chỉ báo chuẩn hóa theo quy mô (ví dụ: số sai phạm trên 1.000 hồ sơ, mật độ truy thu/phạt, cơ cấu rủi ro theo loại vi phạm) để hỗ trợ phân bổ nguồn lực kiểm tra theo rủi ro và đánh giá hiệu quả cải cách quản lý thuế. ■